

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 (giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ Tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Công văn số 1733/UBND-CTMTQG ngày 29/9/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025; Công văn số 2145/UBND-VPCTMTQG ngày 20/11/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc Thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025 (lần 2).*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; số 18/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 về giao dự toán năm 2022 ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; số 46/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; số 04/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; số 05/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính sách năm 2023 (vốn sự nghiệp); số 67/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; số 66/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.

Đối với các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trước thời điểm quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V;
- Lưu: VT, Th6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Thanh Hải**

**KẾ HOẠCH****Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025  
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Lai Châu)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Nhằm cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của Trung ương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an ninh xã hội, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, góp phần giảm nghèo bền vững. Cùng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo hoàn thành các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là căn cứ để các Sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2025.

**2. Yêu cầu**

- Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc thực hiện chương trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức

chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn kết với việc tập huấn kỹ thuật, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, từ đó hình thành ý thức tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ; các hoạt động cụ thể do cộng đồng xã, thôn, bản, người dân bản địa chủ, quyết định và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức quán triệt các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, từng ngành nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Kế hoạch. Việc tổ chức quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

- Các cấp, các ngành, địa phương lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình. Khai thác tiềm năng, lợi thế của các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn (ĐBKK), đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa các thành phần dân tộc, giữa vùng đồng bào DTTS&MN với các vùng khác trong tỉnh và cả nước. Giảm dần số xã, thôn bản ĐBKK; tập trung lồng ghép, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số (DTTS); giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; Giữ vững và tăng cường sự ổn định về an ninh quốc phòng, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ công; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến 2025**

#### **2.1. Về kinh tế - xã hội**

Phần đầu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

Phần đầu 57,5% xã đạt chuẩn nông thôn mới (54/94 xã); Phần đầu 25% số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm, riêng các huyện nghèo giảm trên 4%/năm. Đến năm 2025 giảm ½ số hộ nghèo so với đầu kỳ. Phần đầu đến năm 2025 có 01 huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; 31% số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường trên 99,8%, học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường trên 95%, học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường trên 60%; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 - 60 đạt 96,5% trở lên

Phần đầu 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ dân tộc thiểu số có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em người dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi thể nhẹ cân <15%. Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề 50,86%.

Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (*câu lạc bộ*) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

## **2.2. Giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản**

100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 97,5%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc huyện nghèo qua đào tạo đạt 51,7%.

Trên 93% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

## **2.3. Về đầu tư cơ sở hạ tầng**

Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo duy trì 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 98,1% số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác. 100% trường học và trạm y tế xã được xây dựng kiên cố. 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh. Phần đầu

60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

#### **1. Phạm vi thực hiện**

Kế hoạch thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn).

#### **2. Đối tượng**

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

### **IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

#### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

- Mục tiêu:

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

- Đối tượng:

Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số

thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể:

Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng;

Ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

+ Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

+ Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất;

Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

+ Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt:

Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình;

Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện:



Tổng vốn 217.294 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư 175.116 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến 42.176 triệu đồng,

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

+ Đơn vị thực hiện:

Ban Quản lý Dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

## **2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

- Mục tiêu:

Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

- Đối tượng:

Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư;

Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư;

Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung:

Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư;

Khai hoang đất sản xuất;

Đầu tư xây dựng: Đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình:

Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở);

Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư;

Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép:

Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất);

Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn 150.574 triệu đồng. Trong đó:

Vốn đầu tư 149.446 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến 1.128 triệu đồng.

- Phân công thực hiện

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

+ Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1 Tiểu Dự án 1 : Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Mục tiêu :

Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Đối tượng:

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

+ Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

+ Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

+ Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;

+ Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan;

+ Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn: 769.774 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 0 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 769.774 triệu đồng.

- Phân công thực hiện

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

### **3.2 Tiêu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

+ Mục tiêu:

Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đối tượng:

Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Địa bàn: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung:

Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;

Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối;

Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các dự án có quy mô liên huyện.

UBND các huyện, thành phố thực hiện các dự án có quy mô liên xã, cấp xã.

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

+ Mục tiêu: Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

+ Đối tượng:

Các dự án phát triển sâm và dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là

nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng;

Thôn, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

+ Nội dung:

Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án;

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu;

Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao;

Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ;

Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh;

Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng;

Hỗ trợ chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm;

Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đơn vị thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Đơn vị thực hiện: UBND các huyện Than Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè thực hiện toàn bộ nhiệm vụ của các dự án trồng Sâm và cây dược liệu quý trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định.

- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

+ Đối tượng:

Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Các trường đại học có đông sinh viên dân tộc thiểu số theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung:

Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Định kỳ hằng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phân công thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm các hoạt động: Tổ chức tuần hàng nông sản, phiên chợ trung bày, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức hoạt động truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ: Triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Gồm 4 nhiệm vụ: (1) Tổ chức các hoạt động kết nối tiêu thụ, các phiên chợ văn hóa, các lễ hội gắn thương mại với du lịch, các hoạt động quảng bá, xây dựng cẩm nang giới thiệu các sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN... (2) Thực hiện các hoạt động truyền thông. (3) Hỗ trợ xây dựng một số mô hình nhằm tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho địa phương. (4) Tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại tại vùng đồng bào DTTS &MN).

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

+ Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn: 261.814 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 34.340 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 227.474 triệu đồng

#### **4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**

4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Mục tiêu:

Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Đối tượng: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung:



+ Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn;

Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã);

Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

+ Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn: 1.047.867 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 967.013 triệu đồng,

Vốn sự nghiệp dự kiến: 80.854 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Đơn vị thực hiện:

+ Sở Y tế thực hiện mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn theo quy định;

+ Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp thực hiện xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trạm y tế đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

+ UBND các huyện, thành phố thực hiện đầu tư xây dựng các danh mục công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn theo phân cấp quản lý, giao UBND các xã thực hiện nội dung duy tu, bảo dưỡng công trình.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mục tiêu:

Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

- Đối tượng:

Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, biên giới; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp.

Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

- Nội dung:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú:

Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên;

Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác;

Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số;

Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ;

Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền;

Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ;

Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện:

Tổng vốn 491.461 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 425.258 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 66.203 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Cơ quan thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo mua sắm trang thiết bị cho các trường trung học phổ thông; trường PTDT nội trú và trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý theo phân cấp;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp thực hiện xây dựng cơ sở vật chất hệ thống trường học của các huyện như: nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập, ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên, bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.

UBND các huyện, thành phố thực hiện: (1) Mua sắm trang thiết bị cho các trường và xây dựng cơ sở vật chất hệ thống trường học còn lại theo phân cấp quản lý cho cấp huyện. (2) Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5.2 Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng:

Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các Bộ, ngành trung ương và cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số;

Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc các xã đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn và phụ nữ dân tộc thiểu số.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học:

Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trường đại học tổ chức bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo quy mô tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người dân tộc thiểu số) thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc thiểu số có chất

lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Đối với đào tạo đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với quy mô đào tạo đạt tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người dân tộc thiểu số) thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đạt tỷ lệ khoảng 0,7% cán bộ có trình độ sau đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, dân tộc rất ít người và dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện:

Tổng vốn dự kiến 44.165 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện:

Nội dung 1: Sở Nội vụ thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4 cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thực hiện: (1) Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4 cấp huyện, xã. (2) Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền.

+ Nội dung 2: Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ đào tạo Đại học cho sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5.3 Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng

thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Đối tượng:

Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

- Nội dung:

Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo;

Hỗ trợ đào tạo nghề;

Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo;

Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn dự kiến 169.911 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động Thương binh & Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện:

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện 05 nhiệm vụ: (1) Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm; Tuyên truyền tư vấn công tác xuất khẩu lao động. (2) Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động. (3) Kiểm tra, giám sát đánh giá. (4) Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. (5) Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

Trường Cao đẳng Lai Châu thực hiện 03 nhiệm vụ: (1) Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy. (2) Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học. (3) Mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

UBND các huyện, thành phố thực hiện 08 nhiệm vụ: (1) Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm; Tuyên truyền tư vấn công tác xuất khẩu lao động. (2) Kiểm tra, giám sát đánh giá. (3) Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy. (4) Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học. (5) Mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo. (6) Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề. (7) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. (8) Hỗ trợ đào tạo nghề.

5.4. Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Mục tiêu:

Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiêu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát

triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

- Đối tượng:

Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực;

Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Nội dung:

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công;

Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương;

Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng;

Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện:

Tổng vốn dự kiến 51.433 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì và thực hiện: Ban Dân tộc thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả



năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Mục tiêu:

Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Đối tượng:

Huyện, thành phố có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số;

Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số;

Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;

Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số;

Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung:

Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người;

Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;

Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận;

Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể;

Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác);

Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng);

Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;

Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;

Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu;

Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số;

Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số;

Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số và miền núi;

Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện:

Tổng vốn dự kiến 115.210 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 54.496 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 60.714 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

+ Đơn vị thực hiện:

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch 04 nhiệm vụ: (1) Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người. (2) Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. (3) Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể. (4) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

UBND các huyện, thành phố thực hiện 08 nhiệm vụ: (1) Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. (2) Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận. (3) Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một. (4) Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. (5) Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống. (6) Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số. (7) Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư. (8) Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Mục tiêu:

Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng

Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

Trung tâm y tế huyện.

Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn bản.

- Nội dung:

Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện;

Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn;  
 Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã;  
 Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã;  
 Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản;  
 Hỗ trợ điễm tiêm chủng ngoại trạm.

Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh;

Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới;

Nâng cao năng lực quản lý dân số;

Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số;

Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em;

Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn dự kiến 63.240 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 29.985 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 33.255 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện:

Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp thực hiện cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện Mường Tè.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Mục tiêu:

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Đối tượng:

Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

- Nội dung:

Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ trẻ em.

Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện xã hội; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn dự kiến 80.304 triệu đồng (nguồn sự nghiệp):

- Phân công thực hiện

+ Cơ quan chủ trì: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án 8.

+ Đơn vị thực hiện:

Hội Liên hiệp phụ nữ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Mục tiêu:

Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Đối tượng:

Đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Các xã, thôn đặc biệt khó khăn có đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 sinh sống ổn định thành cộng đồng.

- Phạm vi: Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

- Nội dung:

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đồng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên đầu tư các thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể:

Về đường giao thông: Xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, cứng hóa đường giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, bản, đường nội thôn, liên thôn;

Về điện sản xuất, sinh hoạt: Bổ sung các trạm biến áp và lưới điện phân phối đến các hộ dân;

Về thủy lợi: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ;

Công trình chống sạt lở: Xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm thôn, bản có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học;

Các công trình về văn hóa - giáo dục: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, trạm chuyển tiếp phát thanh xã, công trình phục vụ phát triển du lịch cộng đồng; kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác.

Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế, Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ tiêm vắc-xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm;

Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, bản và tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng;

Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

Đối với bà mẹ mang thai: Tổ chức hoạt động tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; khám, quản lý thai nghén và chăm sóc y tế đối với phụ nữ mang thai, hỗ trợ phụ nữ mang thai được tầm soát các loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến; hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số và phương tiện đi lại cho bà mẹ mang thai;

Đối với trẻ em dưới 05 tuổi: Hỗ trợ trẻ sơ sinh được tầm soát các loại bệnh bẩm sinh phổ biến; điều trị, cung cấp bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi;

hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng công thức (com/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền) cân đối hợp lý và sữa học đường cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn dự kiến 696.026 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 317.362 triệu đồng.

Vốn sự nghiệp dự kiến: 378.664 triệu đồng.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: (1) Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng; (2) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế, đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; (3) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn nội dung hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào; (4) Sở Y tế chủ trì hướng dẫn; nội dung hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung.

+ Đơn vị thực hiện:

Ban Dân tộc thực hiện nhiệm vụ: Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, bản và tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

Hội Nông dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ: Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

UBND các huyện thực hiện: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế; hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào; Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng



đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù;

Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào năm 2025;

Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao;

Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng:

Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Nội dung:

Công tác truyền thông;

Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi

hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn dự kiến 19.298 triệu đồng (vốn sự nghiệp):

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện: Ban Dân tộc, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

+ Mục tiêu:

Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

+ Đối tượng:

Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

+ Nội dung:

Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao;

Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội;

Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến;

Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh; 5 năm/lần đối với cấp Trung ương) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền (định kỳ 3 năm/lần tổ chức hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm theo khu vực, vùng miền: miền núi phía Bắc, duyên hải miền trung, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, khu vực biên giới và một số địa phương khác);

Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đơn vị thực hiện: Ban Dân tộc và UBND các huyện, thành phố căn cứ các chỉ tiêu cụ thể đến 2025 nêu trên và các nội dung quy định tại điểm a Mục 10 Chương III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế của địa phương.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân.

+ Đối tượng:

Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương;

Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

+ Nội dung:

Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số;

Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông

tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

+ Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Đơn vị thực hiện:

Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật gồm: (1) Tổ chức các Hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật để phổ biến, nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số (Tổ chức tại các huyện và các xã), (2) Biên soạn, phát hành tờ gấp pháp luật, sổ tay nghiệp vụ, hỏi đáp pháp luật, áp phích (biển) tuyên truyền và các tài liệu truyền thông khác... (3) Tổ chức truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số trên loa phát thanh. Các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn I: từ năm 2021-2025

Sở Thông tin truyền thông thực hiện nhiệm vụ gồm: Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Gồm các nhiệm vụ: (1) Sản xuất chương trình truyền hình, phát thanh phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại. (2) Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện để trau dồi kỹ năng công tác thông tin đối ngoại; kỹ năng phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, xử lý khủng hoảng truyền thông; tình hình quốc tế và hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; tình hình hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung và Lai Châu nói riêng; tình hình Biển Đông. (3) Đưa các nội dung thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại với định dạng phù hợp đến các thuê bao viễn thông di động tại các tuyến biên giới).

Ban Dân tộc thực hiện nhiệm vụ: Xây dựng mô hình điểm; Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Liên minh Hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền (Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền theo hình thức trực tiếp tại các xã chưa có Hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập).

Cấp huyện thực hiện 03 nhiệm vụ: (1) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền. (2) Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ. (3) Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

- Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

+ Đối tượng: Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

+ Nội dung:

Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số.

+ Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ gồm: (1) Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi; (2) Thực hiện truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý tại các thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (3)

Biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu pháp luật truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số ở các xã, các thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (4) phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lai Châu xây dựng phóng sự, phát phóng sự, tin, bài, tài liệu, chương trình về hoạt động trợ giúp pháp lý. Các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn I: từ năm 2021-2025

+ Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện 03 nội dung

Tổng vốn dự kiến 36.242 triệu đồng (vốn sự nghiệp):

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Đối tượng:

Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương; Văn phòng điều phối Chương trình ở cấp trung ương và các cơ quan thường trực Chương trình ở địa phương;

Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Nội dung:

Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn: 41.933 triệu đồng, trong đó:

Vốn sự nghiệp dự kiến: 5.299 triệu đồng.

Vốn đầu tư: 36.634 triệu đồng.

- Phân công thực hiện

Cơ quan chủ trì và thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nội dung.

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Mục tiêu:

Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Đối tượng:

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung:

Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động);

Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình;

Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp;



Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.

- Nguồn vốn (trung ương giao) thực hiện

Tổng vốn: 11.677 triệu đồng (nguồn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Đơn vị thực hiện:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

Các Sở, ban ngành tỉnh: Ban Dân tộc; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Tư pháp; Sở Công Thương; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân; Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị có liên quan.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

## V. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến nhu cầu vốn và khả năng huy động nguồn vốn để thực hiện Chương trình là **4.534.774** triệu đồng, trong đó:

**1. Vốn ngân sách trung ương: 4.033.007** triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 2.189.650 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 1.843.357 triệu đồng.

**2. Vốn đối ứng (tối thiểu 5%) của địa phương:** 201.650 triệu đồng, từ nguồn vốn ngân sách địa phương và lòng ghép nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện đối ứng các nội dung, nhiệm vụ trên địa bàn các xã, thôn bản trong phạm vi của dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

**3. Vốn tín dụng chính sách: 300.117** triệu đồng.

## VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Giải pháp huy động nguồn vốn

1.1. Đa dạng hóa các nguồn vốn thực hiện Chương trình (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa, vốn đóng góp của người dân...) trong đó tinh thần tự lực, vượt khó của người dân giữ vai trò quan trọng, nguồn ngân sách nhà nước là quyết định. Tăng cường huy động, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm, tránh dàn trải, nợ đọng, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công; định hướng các cơ quan, đơn vị trực tiếp giúp đỡ các xã ĐBKK giai đoạn 2021-2025 vào thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

1.2. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số" đến năm 2025; tăng cường tiếp xúc, vận động nhằm củng cố mối quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ đã và đang hoạt động tại tỉnh, mở rộng quan hệ với các tổ chức phi chính phủ đã đăng kí hoạt động tại tỉnh nhưng chưa triển khai chương trình, dự án trên địa bàn. Rà soát, xây dựng danh mục các dự án vận động hỗ trợ phù hợp nhu cầu của cơ quan, địa phương và lĩnh vực quan tâm của các tổ chức phi chính phủ; xác định các yếu tố trọng tâm, tăng cường công tác chia sẻ thông tin với các tổ chức trong nước, quốc tế, phi chính phủ.

1.3. Lồng ghép vốn các dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác cùng đầu tư trên địa bàn xã ĐBKK, thôn, bản ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN.

## **2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tính chủ động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia nói riêng là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, khơi dậy ý chí chủ động, tinh thần nỗ lực vươn lên thoát nghèo trong đồng bào DTTS. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền đảm bảo về phẩm chất, năng lực chuyên môn, kỹ năng truyền đạt, am hiểu tâm lý tập quán của đồng bào, chú trọng đội ngũ tuyên truyền là cán bộ cơ sở.

1.2. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc, trong đó lựa chọn hình thức biên soạn tài liệu, cung cấp thông tin tập trung vào trọng tâm, ngắn gọn, người dân dễ hiểu, dễ nhớ khi tiếp cận nội dung chính sách; tăng cường các hoạt động đối thoại với nhân dân, sân khấu hóa công tác tuyên truyền qua các tiểu phẩm, hội thi tìm hiểu pháp luật, phát huy hiệu quả trên các kênh thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở. Nhân rộng cách làm hay, mô hình điểm trong quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình, các điển hình tiên tiến và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn vinh tập thể, cá nhân xuất sắc điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.3. Cấp ủy, chính quyền huyện, xã có đối tượng thụ hưởng ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị về công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo chỉ

đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; Thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ của người dân. Đầu tư để tạo sinh kế là chính, giảm cho không, tặng cho vay ưu đãi, hỗ trợ có điều kiện...

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể tỉnh**

#### ***1.1. Ban Dân tộc***

- Là cơ quan Thường trực tham mưu chủ trì quản lý, điều phối Chương trình; Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn đầu tư, vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

- Đề xuất rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và đề xuất các cơ chế, chính sách dân tộc để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

#### ***1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư***

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan thẩm định kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình; phối hợp với cơ quan Thường trực Chương trình xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình 05 năm và hàng năm.

#### ***1.3. Sở Tài chính***

Trên cơ sở nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí (vốn sự

nghiệp) và bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện Chương trình.

#### ***1.4. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh***

Chủ động phối hợp với Ban Dân tộc, các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện vốn tín dụng chính sách theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Chương trình.

Phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn các địa phương xác nhận, tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách đảm bảo đúng quy định.

#### ***1.5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được phân công chủ trì thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình***

- Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định; Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

- Tổng hợp kết quả thực hiện, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hàng năm giao cho các sở, cơ quan và các địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương.

## **2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố**

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn; giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất.

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng phòng, ban, cơ quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

### **3. Chế độ báo cáo**

1. Ban Dân tộc là cơ quan Thường trực Chương trình (cơ quan Chủ trì) có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ Chương trình và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (hàng quý, hàng năm) hoặc đột xuất (khi cần thiết), báo cáo UBND tỉnh, các cơ quan chủ quản chương trình, chủ dự án thành phần theo quy định.

2. Cơ quan chủ trì dự án thành phần, chủ đầu tư, UBND huyện, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Chương trình và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (hàng quý, hàng năm) hoặc đột xuất (khi cần thiết), gửi về cơ quan chủ trì chương trình.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo chi tiết tình hình giải ngân vốn Chương trình, dự án hằng tháng về cơ quan chủ trì chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo các Bộ, ngành, cơ quan chủ quản Chương trình và các cơ quan chủ dự án thành phần ở trung ương theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời báo cáo về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Dân tộc và UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu./.